

Số: /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

**Quy định việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ phí cho vay lại
và phân trích phí bảo lãnh tại Bộ Tài chính giai đoạn 2026-2030**

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2027/QH14, đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 141/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;

Nghị định số 84/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực quản lý nợ công;

Căn cứ Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 75/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính;

Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý sử dụng phí cho vay lại và phân trích phí bảo lãnh tại Bộ Tài chính giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kinh tế ngành;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ phí cho vay lại và phân trích phí bảo lãnh tại Bộ Tài chính giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 15/2026/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý sử dụng phí cho vay lại và phân trích phí bảo lãnh tại Bộ Tài chính giai đoạn 2026-2030 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 15/2026/QĐ-TTg).

Trong đó, đơn vị trực tiếp thực hiện công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại tại Bộ Tài chính là Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại.

Điều 2. Phân bổ kinh phí

Việc phân bổ kinh phí số tiền thu được từ phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 15/2026/QĐ-TTg.

Điều 3. Nội dung chi từ phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh được để lại cho công tác tăng cường hiệu quả công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại

Hàng năm, ngoài dự toán ngân sách đảm bảo hoạt động thường xuyên theo quy định hiện hành, Bộ Tài chính giao Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại quản lý sử dụng kinh phí được phân bổ tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 15/2026/QĐ-TTg để hỗ trợ cho các nội dung chi cho tăng cường hiệu quả công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại, gồm:

1. Xây dựng, duy trì, nâng cấp cơ sở dữ liệu nợ công và các phần mềm phục vụ quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại trong trường hợp chưa được bố trí từ nguồn Ngân sách Nhà nước.

2. Tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại; xây dựng, duy trì hoạt động của chuyên trang thông tin điện tử về quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại; xuất bản Bản tin nợ công và các ấn phẩm có liên quan đến công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại.

3. Trang bị cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại tại Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại trong trường hợp chưa được bố trí từ nguồn Ngân sách Nhà nước.

4. Đối với hoạt động nghiệp vụ quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại quy định tại khoản 4 Quyết định số 15/2026/QĐ-TTg gồm các nội dung chi như sau:

- Chi cho hoạt động hỗ trợ thực hiện nghiệp vụ quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại bao gồm: Thuê tổ chức trong và ngoài nước thực hiện cung cấp dịch vụ phục vụ nghiệp vụ quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại; Chi cho hoạt động cho vay lại; Chi cho hoạt động cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ; Chi cho hoạt động phát hành và giao dịch trái phiếu Chính phủ trên thị trường vốn quốc tế; Chi mua sắm các ứng dụng, tài khoản để phục vụ nghiệp vụ quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại; Chi xây dựng và thực hiện các nghiệp vụ quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại khác.

- Chi hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại trong trường hợp chưa được bố trí từ nguồn Ngân sách Nhà nước.

- Chi kiểm tra, giám sát, khảo sát thực địa các chương trình, dự án, các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn vay, viện trợ, bảo lãnh theo kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất theo yêu cầu quản lý, giám sát.

- Chi tổ chức hội thảo, hội nghị, tọa đàm trong nước và nước ngoài (trực tiếp và trực tuyến, bao gồm cả thuê bao đường truyền, tài khoản - nếu có) về quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại.

- Chi tổ chức đoàn đàm phán, công tác, nghiên cứu, khảo sát, học tập kinh nghiệm ở trong nước và nước ngoài về công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại.

- Chi cho công tác xây dựng điều ước quốc tế, công tác xây dựng thỏa thuận quốc tế và công tác xây dựng thỏa thuận về vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài.

- Chi cho công tác đàm phán, ký, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, phê chuẩn, phê duyệt, chấm dứt hiệu lực, tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài và công tác thỏa thuận quốc tế; các thủ tục đối ngoại đóng khoản vay khi kết thúc giải ngân của Thỏa thuận vay.

- Chi tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài gồm: tổ chức cho vay lại (đánh giá việc đáp ứng các điều kiện cho vay lại/thẩm định điều kiện vay lại, quyết định cho vay lại; quyết định công bố danh sách cấp phát và tỷ lệ cho vay lại đối với các địa phương; ký/sửa đổi, bổ sung/thanh lý hợp đồng cho vay lại/hiệp định vay phụ/hợp đồng ủy quyền cho vay lại; đối chiếu nợ cho vay lại hằng năm giữa Bộ Tài chính và UBND cấp tỉnh/cơ quan ủy quyền cho vay lại); thu hồi cho vay lại.

- Chi tổ chức, đón tiếp đoàn trong nước và ngoài nước đến làm việc liên quan đến công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại.

- Chi trả phí hằng năm cho các công ty đánh giá hệ số tín nhiệm; phí bảo trì hệ thống DMFAS theo Hợp đồng ký với UNTAD.

- Chi đào tạo ngắn hạn, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng đàm phán, ngoại ngữ, tin học, chuyển đổi số và các kiến thức, kỹ năng khác có liên quan phục vụ công tác quản lý nợ công và và kinh tế đối ngoại (bao gồm cả đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo ở nước ngoài) của đội ngũ công chức trực tiếp làm công tác quản lý nợ công và và kinh tế đối ngoại.

- Chi hoạt động nghiên cứu khoa học, phân tích thông tin quốc tế, khai thác dữ liệu phục vụ thực hiện đề án cơ chế chính sách và chuyên môn về quản lý nợ công và và kinh tế đối ngoại (bao gồm cả mua sách báo, ấn phẩm và các tài liệu khác phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và thực hiện các đề án).

- Chi thực hiện nghiệp vụ quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại khác theo quy định của pháp luật.

5. Hợp tác quốc tế trong tình hình mới: chi nghiên cứu, phân tích thông tin quốc tế phục vụ tham mưu; triển khai hợp tác quốc tế trên môi trường số và các cơ chế đa phương, song phương; chi phục vụ giải quyết các vấn đề tài chính xuyên biên giới theo chuẩn mực quốc tế; chi đón tiếp, trao đổi đoàn và tổ chức hội thảo chuyên đề; chi đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ, kỹ năng đàm phán, kinh tế - tài chính quốc tế cho đội ngũ công chức.

6. Chi thường cho các tập thể ngoài Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại có thành tích đóng góp trực tiếp cho hoạt động quản lý nợ công và công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại: Mức chi tối đa không quá 01 tháng tiền lương theo ngạch bậc bình quân trong năm của Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại.

7. Việc xác định các nội dung chi giao tự chủ và không giao tự chủ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 75/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính (sau đây gọi tắt là Nghị định số 75/2026/NĐ-CP).

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi

Chế độ, định mức chi tăng cường hiệu quả công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại từ nguồn thu phí cho vay lại và phân trích phí bảo lãnh thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của nhà nước. Thông tư này hướng dẫn thêm một số chế độ chi từ nguồn thu phí cho vay lại và phân trích phí bảo lãnh được đề lại như sau:

1. Chi xây dựng, duy trì, bảo dưỡng, nâng cấp cơ sở dữ liệu nợ công và các phần mềm phục vụ quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại; chi xây dựng, duy trì hoạt động của chuyên trang thông tin điện tử về quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số

2. Chi xuất bản Bản tin nợ công và các ấn phẩm có liên quan đến công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 về quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

3. Chi trang bị cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại: Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công, pháp luật đấu thầu và các quy định có liên quan. Nội dung và mức chi thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành do nhà nước và Bộ Tài chính quy định.

4. Chi hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 148/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế chính sách đặc biệt tại đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

5. Chi tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát các chương trình, dự án, các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn vay và viện trợ; chi khảo sát, học tập trong nước: Nội dung và mức chi thực hiện theo chế độ công tác phí quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị và được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính.

6. Chi tổ chức các đoàn đàm phán, công tác, hội nghị, hội thảo, khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30/12/2025 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

7. Chi tổ chức đón tiếp đoàn trong nước và ngoài nước đến làm việc liên quan đến công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

8. Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm: Nội dung và mức chi thực hiện theo chế độ quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị và sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính.

9. Chi cho công tác xây dựng điều ước quốc tế và xây dựng công tác thỏa thuận quốc tế: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 43/2022/TT-BTC ngày 19/7/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế và Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế chính sách đặc biệt tại đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

10. Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công chức của Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại và Bộ Tài chính: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

11. Chi hoạt động nghiên cứu khoa học, thực hiện đề án cơ chế chính sách và chuyên môn về quản lý nợ công và và kinh tế đối ngoại: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 65/2024/TT-BTC ngày 05/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

12. Đối với các nội dung chi đặc thù trong công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại chưa được quy định trong các văn bản pháp luật của cơ quan có thẩm quyền: Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại được áp dụng quyết định

mức chi tương ứng với các công việc tương tự đã quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, nhưng không vượt quá mức chi đã quy định và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan hoặc phải được Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại quyết định bằng văn bản trong trường hợp chưa được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ và Cục trưởng chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 5. Xác định và sử dụng kinh phí tiết kiệm được

1. Xác định kinh phí tiết kiệm

Kết thúc năm ngân sách, sau khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều 3 Thông tư này và các nhiệm vụ chi từ nguồn kinh phí quản lý hành chính giao thực hiện chế độ tự chủ, phân chênh lệch giữa số chi thực tế thấp hơn phần dự toán kinh phí được giao thực hiện chế độ tự chủ (từ nguồn từ phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh và nguồn ngân sách nhà nước cấp lĩnh vực chi quản lý hành chính) để thực hiện các nội dung chi quy định tại Điều 4 Thông tư này và các nhiệm vụ chi từ nguồn kinh phí quản lý hành chính giao thực hiện chế độ tự chủ thì phân chênh lệch này được xác định là kinh phí tiết kiệm, cụ thể như sau:

a) Trường hợp các nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Điều 3 Thông tư này và các nhiệm vụ chi từ nguồn kinh phí quản lý hành chính giao thực hiện chế độ tự chủ đã hoàn thành đầy đủ khối lượng, nhiệm vụ công việc theo dự toán được giao, đảm bảo chất lượng thì phần kinh phí chưa sử dụng hết là khoản kinh phí tiết kiệm.

b) Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nhiệm vụ, khối lượng công việc quy định tại Điều 3 Thông tư này và các nhiệm vụ chi từ nguồn kinh phí quản lý hành chính giao thực hiện chế độ tự chủ theo dự toán được giao thì không được xác định là kinh phí tiết kiệm.

2. Sử dụng kinh phí tiết kiệm

Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại được sử dụng kinh phí tiết kiệm được (nếu có) cho các mục đích chi theo quy định tại Nghị định số 75/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2026 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính.

Điều 6. Lập, chấp hành dự toán và quyết toán

Việc lập, chấp hành dự toán và quyết toán số phí cho vay lại và phí bảo lãnh được để lại chi, thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn; Thông tư này hướng dẫn thêm một số điểm đặc thù trong công tác lập, chấp hành dự toán và quyết toán như sau:

1. Lập dự toán:

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách, Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại căn cứ tình hình thực hiện của năm hiện hành, khả năng thu, nhu cầu chi của năm kế hoạch để xây dựng dự toán thu, chi từ phí cho vay lại và

phần trích phí bảo lãnh, bảo đảm không trùng lặp giữa các nội dung chi từ ngân sách nhà nước cấp và các nội dung chi từ nguồn phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh được để lại, gửi Bộ Tài chính (quản lý ngành).

2. Điều hành thực hiện dự toán thu - chi:

a) Định kỳ hằng tháng, trên cơ sở số phí cho vay lại, phần trích phí bảo lãnh thực tế thu được về Quỹ Tích lũy trả nợ, Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại xác định số Bộ Tài chính được trích theo quy định tại Điều 3 Thông tư này, trong đó xác định số 40% để lại Quỹ Tích lũy trả nợ và số 60% được sử dụng theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 15/2026/QĐ-TTg ngày 06/4/2026 và hướng dẫn tại Thông tư này.

b) Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại được mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước để tiếp nhận và sử dụng số 60% phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh được để lại Bộ Tài chính nêu trên. Kho bạc nhà nước thực hiện theo dõi và kiểm soát chi cho các hoạt động của Cục từ tài khoản này theo đúng quy định hiện hành.

c) Phân bổ và giao dự toán: Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại phân bổ phần trích phí bảo lãnh theo các nội dung chi quy định tại Điều 3 Thông tư này, gửi Bộ Tài chính (quản lý ngành) để xem xét có ý kiến.

d) Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ phí cho vay lại và phần trích phí phí bảo lãnh phải đảm bảo đúng mục tiêu, yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 15/2026/QĐ-TTg và hướng dẫn tại Thông tư này. Trong năm trường hợp số thu, chi thay đổi không đạt dự kiến so với thời điểm lập và phân bổ dự toán Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại chủ động rà soát, điều chỉnh nhiệm vụ chi cho phù hợp.

đ) Đối với số tiền thu được từ phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh chưa sử dụng hết do nhiệm vụ chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện (bao gồm cả trường hợp công việc đang thực hiện dở dang) thì chuyển số dư kinh phí đó sang năm sau để tiếp tục thực hiện công việc.

3. Hằng năm, sau khi Bộ Tài chính (quản lý ngành) thực hiện quyết toán, số kinh phí còn lại sau khi đã sử dụng cho các nội dung tại Điều 3 Thông tư này (kinh phí hết nhiệm vụ chi, kinh phí vượt dự toán thu được giao trong năm) được chuyển về Quỹ Tích lũy trả nợ. Đối với các nội dung chi không đúng quy định, không thực hiện quyết toán chi, phải thu hồi đề nghị hoàn trả Quỹ tích lũy trả nợ.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 74/2016/TT-BTC ngày 20/5/2016 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ phí cho vay lại và phí bảo lãnh được trích tại Bộ Tài chính giai đoạn 2016-2020 và Điều 1 Thông tư số 59/2021/TT-BTC ngày 14/7/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 8 Thông tư số 74/2016/TT-BTC ngày 20/5/2016 của Bộ Tài chính và Điều 10 Thông tư số 76/2016/TT-BTC ngày 30/5/2016 của Bộ Tài chính quy định việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan giai đoạn 2016-

2020. Các nội dung quy định tại Thông tư này được áp dụng cho các năm ngân sách từ năm 2026 đến năm 2030.

2. Trường hợp các văn bản quy định về chế độ, định mức chi được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ KTN (150b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Bích Ngọc